

ACADEMIC MOTIVATION OF NURSING STUDENTS AT VINH MEDICAL UNIVERSITY AND SOME RELATED FACTORS

Nguyen Thi Nga*, Nguyen Thi Thanh Hien, Tran Thi Thanh Tam

Vinh Medical University - 161 Nguyen Phong Sac, Hung Dung Ward, Vinh City, Nghe An Province, Vietnam

Received: 14/04/2025

Revised: 27/04/2025; Accepted: 07/05/2025

ABSTRACT

Objective: Describe the current academic motivation of nursing students at Vinh Medical University and identify some related factors.

Research subjects and methods: Cross - sectional descriptive study on 626 nursing students at Vinh Medical University from August 2024 to April 2025. The AMS - C28 toolkit uses a 7 - point Likert scale for assessments of academic motivation.

Results: In 616 students, the proportion of students in the “Poor academic motivation” group accounted for 65.7%, and those with good academic motivation accounted for only 34.3%. Most of the types of academic motivation have an average score above 4. The external motivation score to determine the highest average is 5.4 ± 1.1 , and the non - motivation score has the lowest value of 2.2 ± 1.2 in the types of motivation. Some factors such as self - confidence, encouragement from family and friends, image of nurses in society, easy - to - understand teaching methods, encouragement and guidance from teachers in learning and training programs have a statistically significant relationship with academic motivation.

Conclusion: The rate of students with academic motivation is 34.3%. There is a relationship between academic motivation and self - confidence, encouragement from family and friends, image of nurses in society, easy - to - understand teaching methods, encouragement and guidance from teachers in learning and training programs.

Keywords: Learning motivation, nursing students, related factors.

*Corresponding author

Email: nganguyenhmu291@gmail.com Phone: (+84) 396970127 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD7.2429>

ĐỘNG LỰC HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA VINH VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN

Nguyễn Thị Nga*, Nguyễn Thị Thanh Hiền, Trần Thị Thanh Tâm

Trường Đại học Y khoa Vinh - 161 Nguyễn Phong Sắc, P. Hưng Dũng, Tp. Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Ngày nhận bài: 14/04/2025

Chỉnh sửa ngày: 27/04/2025; Ngày duyệt đăng: 07/05/2025

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả thực trạng động lực học tập của sinh viên ngành Điều dưỡng trường Đại học Y khoa Vinh và xác định một số yếu tố liên quan.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 626 sinh viên điều dưỡng trường Đại học Y khoa Vinh từ tháng 8 năm 2024 đến tháng 4 năm 2025. Bộ công cụ AMS sử dụng thang đo likert 7 mức độ cho các đánh giá về động lực học tập.

Kết quả: Trong tổng số 616 sinh viên thì tỷ lệ sinh viên trong nhóm “Động lực học tập chưa tốt” chiếm 65,7%, nhóm sinh viên có động lực học tập tốt chỉ chiếm 34,3%. Hầu hết các loại động lực học tập đều có điểm trung bình trên 4. Điểm động lực bên ngoài để xác định có trung bình cao nhất $5,4 \pm 1,1$ và điểm không có động lực có giá trị thấp nhất là $2,2 \pm 1,2$ trong các loại động lực. Một số yếu tố như niềm tin của bản thân, sự giúp đỡ động viên của gia đình bạn bè, hình ảnh người điều dưỡng trong xã hội, phương pháp dạy học dễ hiểu phù hợp, sự động viên hướng dẫn của giáo viên trong học tập và chương trình đào tạo có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với ĐLHT.

Kết luận: Tỷ lệ SV có ĐLHT tốt là 34,3%. Có mối liên quan giữa ĐLHT với niềm tin của bản thân, sự giúp đỡ động viên của gia đình bạn bè, hình ảnh người điều dưỡng trong xã hội, phương pháp dạy học dễ hiểu phù hợp, sự động viên hướng dẫn của giáo viên trong học tập và chương trình đào tạo.

Từ khóa: Động lực học tập, sinh viên điều dưỡng, yếu tố liên quan.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Động lực học tập (ĐLHT) là mong muốn, khao khát, hào hứng, cảm thấy có trách nhiệm và đầy nhiệt huyết trong quá trình học tập [1]. ĐLHT cũng là một trong những yếu tố dẫn đến thành tích học tập; có tác động đến sự bắt đầu, xu hướng, cường độ và tính lâu dài của việc tiếp thu kiến thức trong môi trường học tập của sinh viên [2]. Đây cũng là một trong những yếu tố chính có tác động lớn đến kết quả học tập của sinh viên, từ đó ảnh hưởng đến sự nghiệp sau này của họ. Một số nghiên cứu trên sinh viên ngành y tế nói chung và ngành điều dưỡng nói riêng ghi nhận có hơn 30% số lượng sinh viên có ĐLHT chưa tốt [3 - 6].

Động lực học tập còn bị chi phối bởi nhiều yếu tố. Nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thùy Dung năm 2019 và tác giả Huỳnh Thị Ngọc My năm 2023 trên sinh viên ngành Điều dưỡng cho thấy chất lượng giảng viên, môi trường học tập, điều kiện học tập, chương trình đào tạo, các hoạt động hỗ trợ sinh viên trong học tập có tác động

tích cực lên động lực học tập của họ [5,7]. Hiện nay tại trường Đại học Y khoa Vinh chưa có nghiên cứu nào về động lực học tập đối với các đối tượng sinh viên Y đặc biệt là ngành điều dưỡng. Từ thực trạng trên chúng tôi thực hiện nghiên cứu, để giúp nhà trường có những hoạt động thiết thực nhằm nâng cao chất lượng học tập và đưa ra các chiến lược để nâng cao động lực học tập của sinh viên.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích.

2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Tại trường Đại học Y khoa Vinh từ tháng 9/2024 đến tháng 4/2025.

*Tác giả liên hệ

Email: nganguyenhu291@gmail.com Điện thoại: (+84) 396970127 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD7.2429>

2.3. Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên ngành Điều dưỡng từ năm thứ nhất đến năm thứ tư tại Trường Đại học Y Khoa Vinh.

- *Tiêu chuẩn lựa chọn*: Sinh viên ngành Cử nhân điều dưỡng hệ chính quy đang học tại Trường Đại học Y khoa Vinh năm học 2024 - 2025. Sinh viên đồng ý tham gia nghiên cứu.

- *Tiêu chuẩn loại trừ*: Sinh viên đang ốm, điều trị bệnh, nghỉ học không tham gia nghiên cứu. Sinh viên từ chối tham gia nghiên cứu.

2.4. Cỡ mẫu và cách chọn mẫu

Chọn mẫu toàn bộ trên sinh viên hệ chính quy ngành điều dưỡng trường Đại học Y khoa Vinh năm học 2024 - 2025 và thu thập được 626 sinh viên.

2.5. Kỹ thuật công cụ thu thập số liệu

Số liệu được thu thập bằng bộ câu hỏi soạn sẵn, thiết kế dưới dạng phiếu khảo sát cho sinh viên tự điền. Bộ câu hỏi gồm 2 phần:

- Phần 1: Thông tin chung và các yếu tố liên quan đến động lực học tập.

- Phần 2: Bộ công cụ AMS gồm 28 câu hỏi với 7 tiêu mục, mỗi tiêu mục gồm 4 câu hỏi để đánh giá:

- + (1) Động lực bên trong để biết,
- + (2) động lực bên trong - để hoàn thành,
- + (3) động lực bên trong - để trải nghiệm,
- + (4) động lực bên ngoài - để xác định,
- + (5) động lực bên ngoài - để kiểm soát,
- + (6) động lực bên ngoài - để điều chỉnh bên ngoài
- + (7) không có động lực. Bộ công cụ AMS sử dụng thang đo Likert 7 mức độ cho các đánh giá về động lực học tập, trong đó 7 = Tuyệt đối đúng, 5 - 6 = Đúng phần lớn, 4 = Khá đúng, 2 - 3 = Không đúng một chút, 1 = Tuyệt đối không đúng. Trong đó, khi mỗi câu trong từng tiêu mục được đánh giá từ 4 đến 7 đều có giá trị đồng ý với quan điểm đó.

Chỉ số sự tự quyết (Self Determination Index - SDI) dao động từ - 18 (rất ít tự quyết) đến +18 (rất tự quyết). Công thức tính điểm các mục như sau:

- Động lực bên trong để biết = (Câu 2 + Câu 9 + Câu 16 + Câu 23)/4

- Động lực bên trong để hoàn thành = (Câu 6 + Câu 13 + Câu 20 + Câu 27)/4

- Động lực bên trong để trải nghiệm sự kích thích = (Câu 4 + Câu 11 + Câu 18 + Câu 25)/4

- Động lực bên ngoài để xác định = (Câu 3 + Câu 10 + Câu 17 + Câu 24)/4

- Động lực bên ngoài để kiểm soát = (Câu 7 + Câu 14 + Câu 21 + Câu 28)/4

- Động lực bên ngoài để điều chỉnh bên ngoài = (Câu 1 + Câu 8 + Câu 15 + Câu 22)/4

- Không có động lực = (Câu 5 + Câu 12 + Câu 19 + Câu 26)/4

Chỉ số tự quyết (SDI) = $2 * ((\text{động lực bên trong - để biết} + \text{động lực bên trong để hoàn thành} + \text{động lực bên trong để trải nghiệm})/3) - \text{động lực bên ngoài để xác định} - ((\text{động lực bên ngoài để kiểm soát} + \text{động lực bên ngoài để điều chỉnh bên ngoài})/2) + 2 * \text{không có động lực}$ [36].

Phân loại DLHT:

Động lực học tập chưa tốt:

- Không có động lực: - 18,00 ≤ Chỉ số tự quyết (SDI) < - 10,79

- Có rất ít động lực: - 10,80 ≤ Chỉ số tự quyết (SDI) < - 3,59

- Có động lực: - 3,60 ≤ Chỉ số tự quyết (SDI) < 3,59

Động lực học tập tốt:

- Có nhiều động lực: 3,60 ≤ Chỉ số tự quyết (SDI) < 10,79

- Có rất nhiều động lực: 10,80 ≤ Chỉ số tự quyết (SDI) ≤ 18,00 [4].

2.6. Phân tích và xử lý số liệu

Số liệu nhập bằng phần mềm Epidata 3.1, sau đó chuyển sang phần mềm SPSS 20.0 để phân tích.

2.7. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu được Hội đồng khoa học trường Đại học Y khoa Vinh thông qua và những số liệu thu được chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu và đảm bảo bí mật.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm về đối tượng nghiên cứu.

Bảng 1. Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu

Thông tin chung		Số lượng (n)	Tỉ lệ (%)
Giới tính	Nam	53	8,5
	Nữ	573	91,5
Năm học	Năm nhất	205	32,7
	Năm 2	124	19,8
	Năm 3	104	16,6
	Năm 4	193	30,8

Thông tin chung		Số lượng (n)	Tỉ lệ (%)
Chi phí đủ trang trải	Có	448	71,6
	Không	178	28,4
Được khen thưởng	Có	93	14,9
	Không	533	85,1
Được học bổng	Có	35	5,6
	Không	591	94,4
Tham gia CLB	Có	409	65,3
	Không	217	34,7
Hoạt động thể thao	Có	280	44,7
	Không	346	55,3
Tuổi	Trung vị (25 th - 75 th): 20 (19 - 22)		
	Giá trị nhỏ nhất – Giá trị lớn nhất: 19–27		

Trong tổng số 626 sinh viên điều dưỡng, số lượng sinh viên nữ chiếm 91,5%. Số sinh viên học năm 1 chiếm tỷ lệ cao nhất (20,1%), và ít nhất là năm thứ 3 (16,6%). Tỷ lệ sinh viên trả lời “Có” đủ chi phí trang trải (71,6%). Tỷ lệ sinh viên trả lời “Không” được khen thưởng chiếm 85,1%. Tỷ lệ phần trăm sinh viên tham gia nghiên cứu trả lời “Không” nhận được học bổng chiếm 94,4%. Sinh viên có tham gia CLB chiếm tỷ lệ 65,3%. Không có sự chênh lệch quá lớn giữa sinh viên trả lời “Có” hoặc “Không” tham gia thể thao lần lượt chiếm 44,7% và 55,3%.

3.2. Động lực học tập của sinh viên Điều dưỡng

Bảng 2. Điểm trung bình của các loại động lực học tập

Loại động lực	Điểm động lực Trung bình $\pm$ Độ lệch chuẩn
Động lực bên trong - để biết	4,8 $\pm$ 1,0
Động lực bên trong - hướng tới thành tựu	4,3 $\pm$ 1,1
Động lực bên trong - để trải nghiệm	4,4 $\pm$ 1,2
Động lực bên ngoài - để xác định	5,4 $\pm$ 1,1
Động lực bên ngoài - để kiểm soát	4,9 $\pm$ 1,2
Động lực bên ngoài điều chỉnh bên ngoài	5,1 $\pm$ 1,2
Không có động lực	2,2 $\pm$ 1,2

Hầu hết các loại động lực học tập đều có điểm trung bình trên 4. Điểm động lực bên ngoài để xác định có trung bình cao nhất $5,4 \pm 1,1$ và điểm không có động lực có giá trị thấp nhất là $2,2 \pm 1,2$ trong các loại động lực.

Bảng 3. Phân loại động lực học tập

Phân loại động lực		Số lượng (n)	Tỉ lệ (%)
Động lực học tập chưa tốt	Không có động lực	0	0
	Có rất ít động lực	0	0
	Có động lực	411	65,7
	Tổng	411	65,7
Động lực học tập tốt	Có nhiều động lực	203	32,4
	Có rất nhiều động lực	12	1,9
	Tổng	215	34,3
Tổng chung		626	100

Trong tổng số 616 sinh viên tham gia nghiên cứu thì tỷ lệ sinh viên trong nhóm “Động lực học tập chưa tốt” chiếm 65,7%. Nhóm sinh viên có động lực học tập tốt chỉ chiếm 34,3%.

3.3. Các yếu tố liên quan đến Động lực học tập của sinh viên điều dưỡng

Bảng 4. Hồi quy đơn biến giữa động lực học tập và yếu tố động lực thúc đẩy học tập ngành cử nhân Điều dưỡng

Các yếu tố	Động lực học tập				OR (95% CI)	p
	Tốt		Chưa tốt			
	n	%	n	%		
Niềm tin bản thân						
Không	128	28,9	197	60,6	1	0,006
Có	87	39,4	214	71,1	1,60 (1,14-2,23)	
Sự giúp đỡ, động viên của gia đình, bạn bè						
Không	150	42,5	203	57,5	1	0,000
Có	65	23,8	208	76,2	2,37 (1,67-3,35)	
Hình ảnh, vai trò người điều dưỡng trong xã hội						
Không	101	25,1	302	74,9	1	0,000
Có	114	51,1	109	48,9	3,13 (2,21-4,42)	

Các yếu tố	Động lực học tập				OR (95% CI)	p
	Tốt		Chưa tốt			
	n	%	n	%		
Phương pháp dạy học dễ hiểu, phù hợp						
Không	130	49,1	135	50,9	1	0,000
Có	85	23,5	276	76,5	3,13 (2,22 - 4,40)	
Sự động viên, hướng dẫn của giáo viên trong học tập						
Không	124	41,8	173	58,2	1	0,000
Có	91	27,7	238	72,3	1,88 (1,34 - 2,62)	
Chương trình đào tạo phù hợp						
Không	135	27,7	353	72,3	1	0,000
Có	80	58,0	58	42,0	3,61 (2,44 - 5,34)	
Sự cạnh tranh trong lớp học						
Không	111	22,0	309	78,0	1	0,15
Có	104	51,5	120	48,5	2,84 (0,97 - 5,08)	
Hoạt động phong trào						
Không	331	72,3	127	27,7	1	0,34
Có	80	47,6	88	52,4	1,87 (0,99 - 3,13)	

Bảng 4 cho thấy sinh viên có niềm tin vào bản thân có động lực học tập tốt hơn sinh viên không có niềm tin vào bản thân gấp 1,6 lần ($p = 0,006$). Các sinh viên nhận được sự giúp đỡ, động viên của gia đình bạn bè có động lực học tập tốt gấp 2,37 lần so với các sinh viên không nhận được sự giúp đỡ này. Sinh viên quan tâm tới hình ảnh vai trò của người điều dưỡng báo cáo động lực học tập tốt hơn 3,13 lần so với các sinh viên không quan tâm đến điều này.

Phương pháp dạy học dễ hiểu, phù hợp; sự động viên hướng dẫn của giáo viên cũng được cho là có liên quan tới động lực học tập tốt. Những sinh viên nhận thấy phương pháp dạy học dễ hiểu, phù hợp có động lực học tập tốt hơn gấp 3,13 lần so với những sinh viên còn lại. Những sinh viên nhận thấy có sự động viên hướng dẫn của giáo viên trong học tập có động lực học tập tốt hơn gấp 1,88 lần so với những sinh viên còn lại. Chương trình đào tạo phù hợp cũng là yếu tố thúc đẩy động lực học tập tốt, với $OR = 3,61$ lần sinh viên không quan tâm tới chương trình đào tạo so với những đối tượng quan tâm tới chương trình đào tạo. Chưa tìm thấy mối liên quan giữa động lực học tập và các lý do như hoạt động phong trào và sự cạnh tranh.

4. BÀN LUẬN

4.1. Đặc điểm chung và thực trạng ĐLHT ở SVDD

Có 626 đối tượng SVDD tham vào nghiên cứu này trong đó chủ yếu là nữ giới (573 chiếm tỷ lệ 91,5%) với độ tuổi từ 19 đến 27, kết quả này cũng khá tương đồng với kết quả nghiên cứu của một số nghiên cứu tiến hành tại các trường đại học Y được khác như nghiên cứu của: Trần Thùy Dương trên đối tượng sinh viên điều dưỡng trường Đại học Y dược Hải Phòng (nữ: 97,2%, nam: 2,8%) [3]. Dựa trên kết quả nghiên cứu bảng 3.11 và so sánh với kết quả nghiên cứu của Trần Thùy Dương và Nguyễn Trường An [3,8], ta thấy SVDD có tỷ lệ sinh viên có động lực học tập tốt thấp hơn. Trong khi tỷ lệ sinh viên Điều dưỡng có động lực học tập tốt chỉ đạt 34,3%, tỷ lệ này trong nghiên cứu của tác giả Trần Thùy Dương đạt 60,1% và nghiên cứu của tác giả Nguyễn Trường An đạt 68,0%. Khi xem xét lý do theo học ngành Điều Dưỡng của những sinh viên ĐLHT chưa tốt thì thấy rằng một trong những lý do được kể đến nhiều nhất đó là “do thi trượt bác sĩ đa khoa” hoặc “do trượt nguyện vọng 1”. Trong 5 năm gần đây, tại trường Đại học Y khoa Vinh, tuyển sinh ngành Điều dưỡng trở nên dễ dàng hơn bằng hình thức xét tuyển học bạ. Trong tất cả các ngành nghề hiện tại thì ngành Y là ngành được xã hội coi trọng, cùng với sự phát triển của hệ thống Y tế công lập và Y tế tư nhân, sinh viên điều dưỡng dễ có xu hướng tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp. Gia đình có xu hướng định hướng cho con cái của mình lựa chọn ngành Y, và trong số đó, ngành Điều dưỡng là ngành dễ vào học hơn so với các chuyên ngành khác. Điều này có thể lý giải là do một số SVDD có thể không hoàn toàn hài lòng với lựa chọn của mình và vẫn có mong muốn học ngành nghề khác. Sự không đồng thuận này có thể gây ra mất động lực và ảnh hưởng đến quá trình học tập. Việc tham gia trực tiếp, thực hành trực tiếp trên người bệnh đòi hỏi cần thận, trách nhiệm cao làm cho sinh viên gặp nhiều áp lực, khối lượng thực hành công việc căng thẳng. Có bằng chứng cho rằng sinh viên trong lĩnh vực y tế có mức độ căng thẳng, mức độ chịu trách nhiệm và áp lực duy trì kết quả học tập tốt cao hơn các sinh viên có cùng độ tuổi ở các chuyên ngành khác. Mặt khác, khoảng cách giữa thực hành và lý thuyết là vấn đề làm sinh viên gặp nhiều khó khăn khi thực tập lâm sàng có thể dẫn đến làm giảm động lực. Thêm vào đó, cũng có bằng chứng cho thấy sinh viên Điều dưỡng có tỷ lệ stress khá cao là 37,7% có liên quan đến nhiều yếu tố [48], từ đó làm ảnh hưởng đến động lực học tập của sinh viên Điều dưỡng.

4.2. Một số yếu tố liên quan đến ĐLHT ở SVDD

Sinh viên có niềm tin vào bản thân có động lực học tập tốt hơn sinh viên không có niềm tin vào bản thân gấp 1,6 lần. Kết quả của tác giả Ngô Đình Tâm cũng cho kết quả tương tự. Tác giả cũng giải thích cho kết quả này là do sinh viên là lứa tuổi mới lớn, thường các bạn sinh viên luôn muốn chứng tỏ mình với những bạn cùng lớp, với xã hội. Từ đó, sinh viên tạo động lực cho bản thân bằng niềm tin vào năng lực và khả năng của chính mình [2].

Các sinh viên nhận được sự giúp đỡ, động viên của gia đình bạn bè có động lực học tập tốt gấp 2,37 lần so với các sinh viên không nhận được sự giúp đỡ này. Kết quả này tương đồng với kết quả nghiên cứu của tác giả Ngô Đình Tâm [2]. Sinh viên là những người đang ở trong giai đoạn quan trọng của cuộc đời, khi phải đối mặt với nhiều thách thức và áp lực trong học tập và cuộc sống. Để có thể vượt qua những khó khăn và phát triển bản thân, sinh viên cần có sự giúp đỡ động viên của những người xung quanh, đặc biệt là gia đình và bạn bè.

Sinh viên quan tâm tới hình ảnh vai trò của người điều dưỡng báo cáo động lực học tập tốt hơn 3, 13 lần so với các sinh viên không quan tâm đến điều này. Người Điều dưỡng luôn đóng một vai trò quan trọng, không thể thiếu trong công tác chăm sóc sức khỏe người bệnh. Một nghề không hào quang rực rỡ, luôn lặng thầm bên cạnh người bệnh, quan tâm, chăm sóc, động viên, hỗ trợ họ một cách nhiệt tình, tận tâm. Trong tất cả các hệ thống y tế toàn cầu, điều dưỡng luôn là lực lượng cán bộ y tế đông nhất (59%). Theo Niên giám Thống kê Y tế 2020, Bộ Y tế công bố tỷ lệ điều dưỡng chiếm 39% nhân lực toàn ngành Y tế. Nếu tính cán bộ y tế trực tiếp với người bệnh, điều dưỡng chiếm gần 60%. Nghiên cứu tổ chức y tế Thế giới công bố, 88% thời gian người bệnh của khoa chăm sóc tích cực được tiếp xúc với nhân viên y tế là điều dưỡng. Tuy nhiên, theo thống kê của Hội Điều dưỡng Việt Nam, nước ta đang thiếu hụt nghiêm trọng nguồn nhân lực điều dưỡng. Hiện nay cơ hội việc làm cho Điều dưỡng là vô cùng lớn, không những trong nước và cả xuất khẩu sang nước ngoài. Khi sinh viên có niềm tin và nhận thấy cơ hội trong ngành nghề mà họ lựa chọn để học tập, họ sẽ có mục tiêu rõ ràng và cố gắng nỗ lực để đạt được. Họ sẽ coi việc học tập là một cơ hội để phát triển kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc trong tương lai.

Thêm vào đó, những sinh viên nhận thấy phương pháp dạy học dễ hiểu, phù hợp có động lực học tập tốt hơn gấp 3,13 lần so với những sinh viên còn lại. Nghiên cứu của Huỳnh Thị Ngọc My năm 2023 cũng cho kết quả tương tự, sinh viên càng cảm thấy bài giảng của giảng viên dễ hiểu và hấp dẫn thì càng có nhiều ĐLHT [7]. Nghiên cứu của Saeedi đã ghi nhận một số thay đổi trong phương pháp giảng dạy hay việc áp dụng các mô hình mới vào quá trình dạy - học đã tác động tích cực lên ĐLHT của sinh viên [11]. Chất lượng giảng dạy là một trong những yếu tố then chốt trong việc thúc đẩy ĐLHT của sinh viên điều dưỡng [7].

Sự giúp đỡ động viên hướng dẫn sẽ giúp sinh viên tạo ra một môi trường học tập tích cực và an toàn, nơi sinh viên có thể tự tin thể hiện bản thân, chia sẻ ý kiến và nhận được sự tôn trọng và góp ý xây dựng; Cung cấp những nguồn lực học tập hữu ích, như sách vở, thiết bị, tài liệu tham khảo, kinh nghiệm thực tiễn và cơ hội học tập ngoài lớp; Tăng cường niềm tin và lòng tự trọng của sinh viên, khi họ nhận được sự quan tâm, động viên và khen ngợi từ những người thầy cô giáo; Giảm bớt căng thẳng và lo lắng của sinh viên trong thi cử học tập lý thuyết và lâm sàng, khi họ có thể tìm được sự an ủi,

lắng nghe và thấu hiểu những khó khăn khi học tập tại trường. Đồng thời, giáo viên cũng đóng vai trò chính hỗ trợ sinh viên trong việc xác định mục tiêu học tập và nghề nghiệp, cũng như định hướng và lên kế hoạch cho tương lai.

Nghiên cứu của Nguyễn Hữu An cũng cho kết quả tương tự chương trình đào tạo có sức ảnh hưởng lớn làm tăng ĐLHT của sinh viên; tác giả lý giải cho điều đó là bởi vì chương trình, nội dung, tài liệu học tập đa dạng, phù hợp và hấp dẫn sinh viên có thể là động lực tạo nên niềm say mê, hứng thú trong học tập của sinh viên [8]. Một chương trình đào tạo mang tính thiết thực, phù hợp và hấp dẫn với sinh viên sẽ kích thích và tạo động lực học tập mạnh mẽ để giúp sinh viên đạt kết quả tốt hơn trong học tập. Chương trình đào tạo được thiết kế để đáp ứng mục tiêu giáo dục cụ thể và đáp ứng nhu cầu của người học trong một lĩnh vực nhất định. Với chương trình đào tạo phù hợp, chương trình đào tạo có thể phát triển nghề nghiệp sau này của sinh viên thì họ sẽ thấy có động lực học hơn [2].

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bomia L, Beluzo L, Demeester D, Elander K, Johnson M, Sheldon B. The Impact of Teaching Strategies on Intrinsic Motivation.; 1997. Accessed September 15, 2024. <https://eric.ed.gov/?id=ED418925>
- [2] Ngô Đình Tâm. Nghiên Cứu Động Lực Học Tập Của Sinh Viên Trường Đại Học Công Nghiệp Thực Phẩm Tp.Hcm. In: Đề Tài Nghiên Cứu Khoa Học. Trường Đại Học Công Nghiệp Thực Phẩm Tp.Hcm Khoa Quản Trị Kinh Doanh
- [3] Nga HTM, Kiệt NT. Phân tích các nhân tố tác động đến động lực học tập của sinh viên kinh tế Trường Đại học Cần Thơ. Tạp Chí Khoa Học Trường Đại Học Cần Thơ. 2016; Số 46:107-115. doi:10.22144/ctu.jvn.2016.575
- [4] Wasityastuti W, Susani YP, Prabandari YS, Rahayu GR. Correlation between academic motivation and professional identity in medical students in the Faculty of Medicine of the Universitas Gadjah Mada Indonesia. Educ Médica. 2018;19(1):23- 29.doi:10.1016/j.edumed.2016.12.010
- [5] Trần Thùy Dương và cộng sự. Động cơ học tập của sinh viên điều dưỡng chính quy tại trường Đại học Y dược Hải Phòng. Tạp Chí Khoa Học Điều Dưỡng. 2019;2(1):96-104.
- [6] Elbsuony MMM. Correlation between academic motivation to study nursing and health-related quality of life among nursing students. J Am Sci. 2016;12(12):95- 103.
- [7] Huỳnh Thị Ngọc My, Nguyễn Thị Xuân Quỳnh và cộng sự. Động lực học tập và các yếu tố liên quan của sinh viên điều dưỡng trường đại học Y dược Cần Thơ. Tạp chí Y dược học Cần Thơ- số 62/2023. 230-237.

- [8] An NT, Phan V, Thắng M, et al. Study of the factors associated to the academic motivation of the students of Hue University of Medicine and Pharmacy. Published online September 27, 2021.
- [9] Phuong NN. Intrinsic and Extrinsic Academic Motivation of Students in Teacher Education University of Ho Chi Minh City, Vietnam. *Int J Educ Sci.* 2020;31(1-3). doi:10.31901/24566322.2020/31.1-3.1144
- [10] Đoàn Minh Nhật, Nguyễn Thị Mỹ Hiền, Lê Lưu Hoài Thu. Stress và các yếu tố liên quan ở sinh viên Điều dưỡng tại đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Điều dưỡng - Tập 07 - Số 06* (2024).
- [11] Saeedi M., Ghafouri R., Tehrani FJ., and Abedini Z. The effects of teaching methods on academic motivation in nursing students: A systematic review. *Journal of education and health promotion.* 2021. 10, 271-279, https://doi.org/10.4103/jehp.jehp_1070_20.